

Bản án số: 436/2019/HS-PT

Ngày: 09/10/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Liệt.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Nguyễn.

2. Ông Phạm Viết Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 338/2019/HSPT ngày 19/8/2019 đối với bị cáo Nguyễn Đức Q do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Đức Q, sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 52/8 N.H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã xóa khẩu); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị Lan A; chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án: Tại Bản án số 154/2016/HSST ngày 27/5/2016 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 05/9/2017.

Nhân thân:

- Tại Quyết định số: 2519/QĐ-UB ngày 08/6/2005 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào Cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng chất ma túy.

- Tại Bản án số 18/2011/HS-ST ngày 20/01/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 15/5/2013.

- Tại Quyết định số 07/QĐ-UBND Ngày 08/01/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cạo, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 16/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số: 23/QĐ-UBND hủy Quyết định số: 07/QĐ-UBND.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/01/2019. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 20/10/2018, Nguyễn Đức Q gặp đối tượng tên Nam (chưa rõ lai lịch) tại khu vực Cư xá Bắc Hải, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Nam rủ Q đi trộm cắp tài sản đem bán kiếm tiền tiêu xài thì Q đồng ý. Nam điều khiển xe gắn máy hiệu Lead (chưa rõ biển số) chở Q đi đến tầng hầm Chung cư Giai Việt (số 854-856 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh), Nam và Q phát hiện xe gắn máy hiệu Honda SH Mode, biển số 59V2-290.57 của Nguyễn Lê Trực đang dựng ngoài bãi xe trước tầng hầm, xe có khóa cổ nhưng không có người trông coi. Nam kêu Q đứng gần đó canh giới, còn Nam đi lấy xe; lấy được xe Nam điều khiển xe biển số 59V2-290.57, còn Q điều khiển xe Lead đi về phía Chung cư Lô 3A, Phú Thọ, Phường 15, Quận 11, Nam kêu Q đưa xe xuống bãi xe gửi.

Sau khi cất giấu được xe, Nam điều khiển xe Lead đưa Q đi tìm nơi bán xe, khoảng 30 phút sau, Nam chở Q về Chung cư Phú Thọ lấy xe đem đi bán. Cùng lúc này, Công an Phường 15, Quận 11 được anh Trực trình báo mất xe và phát hiện xe ở Chung cư Phú Thọ, Công an Phường 15, Quận 11 nên mai phục bắt giữ, khi Q đang dẫn xe đi ra ngoài chung cư thì bị bắt, riêng Nam điều khiển xe Lead tẩu thoát. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã di lý Q cùng toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để thụ lý điều tra. Quá trình điều tra, Nguyễn Đức Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Ngày 15/11/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị của chiếc xe 59V2-290.57 là 37.000.000 đồng. Ngày 20/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Nguyễn Lê Trực chiếc xe hai bánh gắn máy biển số 59V2-290.57. Anh Trực đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 125/2018/HSST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt Nguyễn Đức Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đức Q không kháng cáo.

Ngày 22/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức Q đã thừa nhận những hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, mong muốn được chấp nhận kháng nghị và giảm nhẹ hình phạt để cải tạo, sớm trở về gia đình hòa nhập xã hội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã nhận định và xét xử bị cáo Nguyễn Đức Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng nhưng về định khung hình phạt áp dụng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Bởi theo hồ sơ vụ án thể hiện ngày 20/01/2011, bị cáo Q bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, đến ngày 27/5/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và nhận định lần phạm tội này của Q là tái phạm. Đến ngày 20/10/2018, Q phạm tội trộm cắp tài sản và bị Công an Quận 8, bắt giữ. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bản án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên lần phạm tội này đã phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nhưng chưa xem xét đến các tình tiết có lợi cho bị can bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, thời hạn xóa án tích đối với bản án trước của Q chỉ là 02 năm, nghĩa là tính đến lần phạm tội này thì bị cáo Q chỉ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm chứ không phải tái phạm nguy hiểm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 22/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đức Q không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm có điều kiện thi hành án, trở về gia đình, hòa nhập xã hội và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 8, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức Q đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Cụ thể: khoảng 07 giờ ngày 20/10/2018, tại Chung cư Giai Việt (số 854-856 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo cùng đối tượng tên Nam (không rõ lai lịch, địa chỉ) đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH Mode, biển số 59V2-290.57 trị giá 37.000.000 đồng của anh Nguyễn Lê Trực, khi bị cáo đang mang xe đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, hình ảnh trích xuất Camera... nên Tòa án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 cho rằng bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà không phải theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 15/8/2010 bị cáo thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” và bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2011/HS-ST ngày 20/01/2011, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 15/5/2013.

- Đến ngày 05/6/2015, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù theo bản án số 154/2016/HSST ngày 27/5/2016, đến ngày 05/9/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Tại bản án này Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, do bản án trước chưa được xóa án tích.

- Ngày 20/10/2018, bị cáo tiếp tục có hành vi “Trộm cắp tài sản” và bị bắt giữ như đã nêu trên.

Tại thời điểm ngày 27/5/2016, khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử thì Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nếu áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 thì thời hạn để bị cáo được đương nhiên xóa án tích đối với

bản án số 18/2011/HS-ST ngày 20/01/2011 là 05 năm kể từ ngày 15/5/2013. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 2015 được công bố ngày 09/12/2015, theo các Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 thì các tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo được áp dụng kể từ thời điểm Bộ luật được công bố, các Nghị quyết sau đó của Tòa án nhân dân tối cao, cũng như Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 vẫn xác định áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội kể từ thời điểm được công bố (09/12/2015).

Ngày 15/5/2013 bị cáo chấp hành xong hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án số 18/2011/HS-ST ngày 20/01/2011 của Tòa án nhân dân Quận 3, đến ngày 05/6/2015 thì phạm tội mới là đã hơn 02 năm nên căn cứ vào khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo được đương nhiên xóa án tích. Ngày 27/5/2016, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đưa ra xét xử (bản án số 154/2016/HSST) đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là chưa phù hợp với tinh thần của Bộ luật hình sự 2015 và các văn bản hướng dẫn. Tuy bản án trên của Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã có hiệu lực nhưng tính đến thời điểm bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” trong vụ án này (ngày 20/10/2018) thì cần phải căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội để xác định lại cho bị cáo và chỉ có căn cứ để xác định bị cáo có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của bản án số 154/2016/HSST ngày 27/5/2016 chưa được xóa án tích. Do vậy, lần phạm tội mới trong vụ án này bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp tái phạm chứ không phải là tái phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 chứ không phải là tình tiết định khung hình phạt theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức Q đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 26/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là có cơ sở nên chấp nhận.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn theo các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự kể trên, xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra chỉ ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì mức án 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử với bị cáo là có phần nghiêm khắc, nên cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, sớm cải tạo tốt, trở về hòa nhập gia đình và xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 26/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Do chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, bị cáo cũng không có kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 26/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm số 104/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Đức Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

Bị cáo Nguyễn Đức Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|----------|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND Quận 8; | (1) |
| - CC THA Quận 8; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Trại giam; | (2) |
| - TAND Quận 8; | (2) |
| - Công an Quận 8; | (1) |
| - Phòng PC 53-CA TP.HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Sở tư pháp; | (1) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ | (21) (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Liệt